TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 25/3/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Hải Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 381/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 1969, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1971, (có mặt);

Địa chỉ: Số A Đ, khu phố I, phường E, TP ., tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984, (vắng mặt);

2. Chị Trịnh Thị Ngọc Ú, sinh năm 1986, (vắng mặt);

3. Ông Trần Văn B, sinh năm 1945, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1948, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 09/9/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y có người đại diện theo ủy quyền là ông Đoàn Văn T trình bày:***

Do chỗ quen biết hàng xóm và cũng là bạn bè thân thiết nên bà Y có cho vợ chồng anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú mượn số tiền 134.000.000 đồng và 120,5 chỉ vàng 24 Kara. Do bà Y và vợ chồng anh Đ, chị Ú chữ nghĩa yếu nên anh Đ, chị Ú có nhờ ông Phạm Văn Đ1 viết giấy mượn tiền vàng và thỏa thuận làm chứng cho bà Y. Khi cho mượn, anh Đ và chị Ú có hứa đóng lãi cho bà Y nhưng chỉ đóng được vài tháng thì ngưng cho đến nay. Cụ thể các lần mượn tiền vàng như sau:

- Giấy viết đề ngày mùng 02/02/2015 thiếu 42 chỉ vàng và lấy 110.000.000 đồng do chị Trịnh Thị Ngọc Ú ký tên.

- Giấy viết thiếu 40 chỉ vàng 24 Kara đề ngày 22/9/2014 âm lịch do anh Trần Văn Đ ký tên.

- Tờ giao kèo mượn 28,5 chỉ vàng 24 Kara đề ngày 24/10/2010 do anh Đ, chị Ú ký tên, ông Trần Văn B là cha của anh Đ đứng ra ký tên bảo lãnh nếu anh Đ không trả thì ông B trả.

- Tờ giao kèo mượn đầu hụi vàng 10 người là 10 chỉ vàng (Một cây vàng) 24 Kara đề ngày .. tháng 10/2010.

- Tờ giao kèo mượn đầu hụi sống 12 người là 24.000.000 đồng đề ngày 07/10/2010.

Tổng cộng số tiền vàng anh Để, chị Út M của bà Y là 120,5 chỉ vàng 24 Kara và 134.000.000 đồng. Ngày 25/8/2015 anh Đ có trả cho bà Y được 20 chỉ vàng 24 Kara, còn nợ lại 100,5 chỉ vàng 24 Kara và 134.000.000 đồng. Mặc dù, bà Y đã nhiều lần yêu cầu anh Đ, chị Ú và ông B trả số vàng và tiền trên nhưng anh Đ và chị Ú cố tình không trả.

Bà Y khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú phải liên đới trả cho bà Y số vàng là 72 chỉ vàng 24 Kara và 134.000.000 đồng. Bà Y yêu cầu anh Trần Văn Đ, chị Trịnh Thị Ngọc Ú và ông Trần Văn B phải liên đới trả cho bà Y số vàng là 28,5 chỉ vàng 24 Kara.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vàng là 62 chỉ vàng 24 Kara và 110.000.000 đồng, cụ thể là số tiền vàng theo giấy viết đề ngày mùng 02/02/2015 thiếu 42 chỉ vàng và lấy 110.000.000 đồng do chị Trịnh Thị Ngọc Ú ký tên; Giấy viết thiếu 40 chỉ vàng 24 Kara đề ngày 22/9/2014 âm lịch do anh Trần Văn Đ ký tên (Ngày 25/8/2015 anh Đ có trả cho bà Y được 20 chỉ vàng 24 K). Đồng thời, bà Y cũng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới trả số vàng là 28,5 chỉ vàng 24 Kara. Nay bà Y chỉ khởi kiện yêu cầu anh Đ và chị Ú liên đới trả số vàng là 38,5 chỉ vàng 24 Kara và 24.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ, chị Ú và ông B vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y về việc yêu cầu anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú phải liên đới trả 62 chỉ vàng 24 Kara và 110.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y về việc yêu cầu ông Trần Văn B liên đới trả số vàng 28,5 chỉ vàng 24 Kara.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y. Buộc anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Y số tiền, vàng là 38,5 chỉ vàng 24 Kara và 24.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Xét thấy bị đơn anh Đ, chị Ú và ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; Người làm chứng ông Đ1 vắng mặt nhưng đã có bản khai và đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Y xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Y rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vàng là 62 chỉ vàng 24 Kara và 110.000.000 đồng. Đồng thời, bà Y cũng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới trả 28,5 chỉ vàng 24 Kara. Nay bà Y chỉ khởi kiện anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú liên đới trả cho bà Y số tiền, vàng là 38,5 chỉ vàng 24 Kara và 24.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y về việc yêu cầu anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú liên đới trả 62 chỉ vàng 24 Kara và 110.000.000

đồng. Đồng thời đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y về việc yêu cầu ông Trần Văn B liên đới trả 28,5 chỉ vàng 24 Kara.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho vay mượn tiền, vàng giữa bà Y với anh Đ, chị Ú có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp 03 Giấy nhận tiền vàng gồm: "Tờ giao kèo ngày 07/10/2010" do người làm chứng là ông Phạm Văn Đ1 viết nội dung, chị Trịnh Thị Ngọc Ú ký tên mượn của bà Y 24.000.000 đồng; "Tờ giao kèo ngày….tháng 10/2010" do người làm chứng là ông Phạm Văn Đ1 viết nội dung, chị Trịnh Thị Ngọc Ú ký tên mượn của bà Y 10 chỉ vàng 24 Kara; "Tờ giao kèo ngày 24/10/2010" do người làm chứng là ông Phạm Văn Đ1 viết nội dung, chị Trịnh Thị Ngọc Ú và anh Trần Văn Đ ký tên mượn của bà Y 28,5 chỉ vàng 24 Kara. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2024, ông Phạm Văn Đ1 cũng xác định 03 Tờ giấy giao kèo trên là do anh Đ, chị Ú nhờ và đọc nội dung việc anh Đ, chị Ú mượn tiền, vàng của bà Y cho ông viết. Như vậy, cho thấy thực tế giao dịch cho mượn tiền, vàng giữa bà Y với chị Ú, anh Đ đã phát sinh nhưng đến nay chị Ú và anh Đ vẫn không trả tiền vàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Y khởi kiện yêu cầu chị Ú và anh Đ trả lại số tiền vàng trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

3.3. Bị đơn chị Ú, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình thì chị Ú và anh Đ là vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi, nghĩa vụ. Do đó, khi có căn cứ xác định nghĩa vụ của một người (Vợ hoặc chồng) đối với người khác thì cần buộc cả hai người (Vợ và chồng) phải cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự và các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc chị Ú và anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Y số tiền là 24.000.000 đồng và 38,5 chỉ vàng 24 Kara.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều

26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giá vàng 24 Kara tại thời điểm tính án phí là 9.600.000 đồng/chỉ vàng.

[5] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giá vàng 24 Kara tại thời điểm tính án phí là 9.600.000 đồng/chỉ vàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y về việc yêu cầu anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú phải liên đới trả 62 chỉ vàng 24 Kara và 110.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y về việc yêu cầu ông Trần Văn B liên đới trả số vàng 28,5 chỉ vàng 24 Kara.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Y.

Buộc anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Y số tiền, vàng là 38,5 chỉ vàng 24 Kara và 24.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Anh Trần Văn Đ và chị Trịnh Thị Ngọc Ú phải chịu 19.680.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho bà Huỳnh Thị Y số tiền 19.316.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016938 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mỹ Nhanh